TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:23/2022/HS-ST
Ngày: 30-6-2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Như

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Mậu Hoàn

Bà Nguyễn Thị Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lê Quý Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2022/TLST – HS ngày 07/6/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HS ngày 17/6/2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **BÙI VĂN Q;** Sinh năm 1994 tại thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Nơi ở hiện nay: Phố TH, phường ĐT, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Con ông: Bùi Văn H1 và bà Lê Thị H2; Bị cáo chưa có vợ; Gia đình bị cáo có hai chị em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/12/2021 tại Trại giam công an tỉnh Thanh Hóa. Hiện có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **LÊ DUY T;** Sinh năm 1985 tại huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Nơi ở hiện nay: 66/26 Hồ Xuân Hương, phường TS, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKHKTT: Số 19 Lương Thế Vinh, phường BĐ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Con ông: Lê Duy K (đã chết) và bà: Lê Thị N; Vợ là: Yên Thị M; Bị cáo có 2 con, con lớn sinh năm 2009 con nhỏ sinh năm 2018; Gia đình bị cáo có 3 chị em, bị cáo là con thứ 3; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: - Ngày 26/12/2001 bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối Cao xử phạt 18 tháng tù về tội: Cướp tài sản; - Ngày 05/4/214 bị Công an phường Tân Sơn, thành phố thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: Đánh bạc; - Ngày 23/7/2019 bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử phạt 09 tháng tù về tội: Đánh bạc. Lê

Duy T đã chấp hành xong các bản án phạt tù, nộp phạt vi phạm hành chính và nộp án phí theo quy định (đã được xóa án tích); Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/12/2021 tại Trại giam công an tỉnh Thanh Hóa. Hiện có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **NGUYỄN THỊ HỒNG U;** Sinh năm 1998 tại thành phố Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12 ;Nơi cư trú: 09A Đông Tác, phường ĐT, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Con ông: Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Hoàng Thị L; Chồng, con: Chưa có; Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình;Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/12/2021 tại Trại giam công an tỉnh Thanh Hóa. Hiện có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **LƯƠNG THỊ D;** Sinh ngày: 06/9/2001 tại huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Nơi cư trú: Bản Đôn, xã LP, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; Con ông: Lương Văn D1 và bà Hà Thị K2; Chồng, con: Chưa có; Gia đình bị cáo có 04 chị em, bị cáo là con 2;Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/12/2021 đến ngày 28/01/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo hiện có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lương Thị D: Bà Lê Thị Phượng - Trợ giúp viên pháp lý; Công tác tại: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Địa chỉ: Số 32, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, TP Thanh Hóa (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Văn Lu; Sinh năm: 1974; Địa chỉ: Thôn Đại Từ 3, xã Đông Thịnh, huyện Đông Sơn, Thanh Hóa (có mặt).

Người làm chứng:

1. Lò Thị M; Sinh ngày 01/01/2007; Trú tại: Bản Hua Ca, xã Quài Tở, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên (có mặt).

2. Lò Thị H; Sinh năm 2000; Trú tại: Bản Hua Ca, xã Quài Tở, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên (vắng mặt không có lý do).

3. Doãn Trọng T; Sinh năm 1998; Trú tại: Thôn Đại Từ 3, xã Đông Thịnh, huyện Đông Sơn, Thanh Hóa (có mặt).

4. Lê Hữu L; Sinh năm 1999; Trú tại: Thôn Đại Từ 3, xã Đông Thịnh, huyện Đông Sơn, Thanh Hóa (có mặt).

* Đại diện cho người làm chứng Lò Thị M là anh Nguyễn Hữu S; Nơi công tác: Bí thư Đoàn TNCS thị trấn Rừng Thông, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa (anh Sáu có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 02giờ 00 phút ngày 23 tháng 12 năm 2021, tại phòng hát số 17 của quán Karaoke Hà Lan thuộc thôn Ngọc Lậu 2, xã Đông Thịnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Tổ công tác của Công an tỉnh Thanh Hóa bắt quả tang các đối tượng đang có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, sử dụng trái phép chất ma túy và người liên quan gồm: Bùi Văn Q, Lê Duy T, Nguyễn Thị Hồng U, Lương Thị D và Lò Thị M, sinh ngày 01/01/2007, cư trú tại bản Hua Ca, xã Quài Tở, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên (tính đến ngày 23/12/2021, Lò Thị M mới 14 năm 11 tháng 22 ngày tuổi- là người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi); Doãn Trọng T, Lò Thị H và Lê Văn L. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng gồm:

- 01 (một) gói giấy giấy màu vàng, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy;
- 01 thẻ căn cước công dân mang tên Bùi Văn Q;
- 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Huyndai, màu xanh, BKS: 36A-341.61;
- 01 (một) điện thoại di động OPPO, màu xanh đã cũ, đã qua sử dụng và số tiền 1.200.000đ *(Một triệu hai trăm nghìn đồng)* thu của Lê Duy T.
- 01 (một) điện thoại di động Iphone, màu đen đã qua sử dụng thu của Bùi Văn Q.
- 01 (một) đầu thu Camera, ký hiệu jihua technology, màu đen do ông Lê Văn Luận tự nguyện giao nộp.

Xét nghiệm nước tiểu: Các đối tượng Bùi Văn Q, Lê Duy T, Nguyễn Thị Hồng Uyên, Lương Thị D và Lò Thị M đều dương tính với ma túy loại MDMA và Methamphetamine; Doãn Trọng T, Lò Thị H và Lê Văn L âm tính với các chất ma túy.

Tại bản kết luận giám định ś 185/PC09 ngày 28/12/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- Các hạt tinh thể màu trắng của phong bì niêm phong kí hiệu M gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,091g (không phẩy không chín một gam), loại Ketamine;

Quá trình điều tra, các bị can khai nhận như sau:

Ngày 22/12/2021, là sinh nhật của Lê Hữu L; L điện thoại mời Bùi Văn Q, Lê Duy T, Doãn Trọng Tuấn, đi ăn uống tại quán ăn Nghĩa Bờm gần cầu Đông Hương, thành phố Thanh Hóa. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 22/12/2021, Lê Hữu L mời cả nhóm về quán karaoke Hà Lan thuộc Thôn Ngọc Lậu 2, xã Đông Thịnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa để hát. Lúc này Doãn Trọng Tuấn đã đến quầy lễ tân đặt phòng hát (Vip18) và gọi 04 nhân viên nữ là Nguyễn Thị Hồng U, Lương Thị D, Lò Thị M, Lò Thị H lên phục vụ rót bia. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, cả nhóm gồm Bùi Văn Q, Doãn Trọng Tuấn, Lê Hữu Lâm, Nguyễn Thị Hồng U, Lương Thị D, Lò Thị M, Lò Thị H trả phòng hát (chưa thanh toán tiền) để lên xe ô tô do Lê Duy T chở đến quán Nghĩa Bờm ăn tối. Khoảng 20 giờ, cùng ngày, sau khi án tối xong thì Bùi Văn Q, Lê Duy T, Nguyễn Thị Hồng U, Lương Thị D, Lò Thị M, Doãn Trọng T, Lò Thị H và Lê

Hữu L, quay lại quán Karaoke Hà Lan và cùng nhau vào phòng hát (Vip17) để tiếp tục hát. Do uống nhiều bia, rượu say nên Lê Hữu L và Doãn Trọng T nằm ở ghế ngủ. Trong lúc mọi người đang hát, Bùi Văn Q gọi Lê Duy T ra ngoài cửa phòng Vip 17 và nói "anh em ta đi mua ít đồ (tức ma túy), về để mọi người cùng sử dụng cho vui". T đồng ý. Sau đó, Q gọi điện thoại cho Nguyễn Văn Tùng, sinh năm 1992, Nơi cư trú: Phố Tân Hạnh, phường Đông Tân, thành phốThanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa để hỏi xem có biết chỗ nào mua ma túy không, Tùng trả lời là không, nhưng Tùng nói để Tùng nhắn số điện thoại cho Q chủ động liên hệ mua ma túy. Sau đó, Tùng nhắn số điện thoại của Nguyễn Văn Tuấn, sinh năm 2002, Nơi cư trú: Phố Tân Hạnh, Phường Đông Tân, thành phốThanh Hóa cho Q nhưng không nói tên, tuổi, địa chỉ cho Q biết. Q gọi theo số điện thoại của Tùng gửi đặt mua 03 viên thuốc lắc, 1/2 chỉ ketamine và hẹn ngày mai (tức 23/12/2021) Q sẽ trả tiền. Người đàn ông đồng ý và khoảng 15 phút sau người đàn ông này gọi điện thoại cho Q ra cây xăng Ngọc Hiệp (nằm trên đường quốc lộ 47 mới, thuộc phường ĐôngTân, thành phố Thanh Hóa) nhận ma túy. Lúc này, Q bảo T lái xe ô tô chở ra cây xăng Ngọc Hiệp để nhận ma túy. T đồng ý lái xe ô tô nhãn hiệu Huyndai, màu xanh, BKS 36A-34161 chở Q ra cây xăng Ngọc Hiệp. Đến nơi, T quay đầu xe ô tô sang bên đường (hướng thành phố Thanh Hóa về huyện Đông Sơn), dừng trước xe ô tô màu trắng của người bán ma túy (khoảng cách giữa hai xe ô tô 5-7m). Q mở cửa xuống xe đi lại bên ghế lái của xe ô tô màu trắng, lúc này có người đàn ông ngồi bên trong hạ 1/2 kính xe đưa tay ra giao ma túy cho Q, Q nói đến mai Q sẽ chuyển tiền sau. Q cầm túi nilon ma túy rồi quay lại lên ghế phụ lái xe ô tô của T ngồi. Lên xe, ngồi ở vị trí phụ lái Q mở túi nilon ma túy kiểm tra bên trong túi có 01 túi chứa 03 viên thuốc lắc và 01 túi có chứa ketamine. Sau khi mua được ma túy Q, T quay lại phòng VIP17. Tại đây, Q lấy 01 viên thuốc lắc bẻ đôi đưa cho T sử dụng 1/2 viên, Q sử dụng 1/2 viên; 01 viên Q làm rơi vào cốc bia, Q cầm lên uống 1/2 cốc rồi đưa cho Uyên uống 1/2 cốc; 01 viên thuốc lắc còn lại Q đưa cho D, bảo D chia cho Mây cùng sử dụng. D cầm viên thuốc lắc Q đưa, dùng tay bẻ đôi nhưng không bẻ được, D bỏ viên thuốc lắc vào trong cốc và dùng dụng cụ khui bia dầm cho viên thuốc lắc vỡ ra, rồi D lấy chai nước ngọt Sting đổ vào cốc có chứa ma túy mời M sử dụng 1/2 cốc, D sử dụng 1/2 cốc. Riêng túi ma túy Ketamine, Q đưa cho U, cùng thẻ căn cước công dân mang tên Bùi Văn Q, bảo U xào ketamine cho mọi người sử dụng. U cầm túi ketamine đổ ra tờ giấy bạc (Uyên lấy từ vỏ bao thuốc lá), rồi dùng thẻ căn cước của Q để xào ke. Sau khi xào ke xong, U dùng móng tay út xúc Ketamine lần lượt đưa lên mũi cho Q, T, D và U sử dụng. Khoảng 23 giờ cùng ngày thì Lê Hữu L tỉnh dậy xuống thanh toán tiền phòng hết số tiền 1.500.000đ *(một triệu năm trăm nghìn đồng)* rồi ra về trước. Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 23/12/2021, khi Q, T, Uyên, D, M đang sử dụng ma túy tại phòng VIP17 thì bị lực lượng Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an tỉnh Thanh Hóa bắt quả tang và thu giữ toàn bộ tang vật liên quan.

* Xử lý vật chứng:

- Chiếc xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, màu xanh, BKS: 36A-341.61 đăng ký của Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa, có giấy tờ đầy đủ theo quy định

của pháp luật. Việc Lê Duy T sử dụng xe liên quan đến hoạt động ma túy về phía Công ty TNHH Mai Linh không biết và không liên quan. Do đó chiếc xe nói trên không thuộc vật chứng của vụ án Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa, đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa.

* Số vật chứng còn lại gồm:

- 01 (một) phong bì niêm phong vật chứng do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, mặt trước ghi: Tổ chức sử dụng QĐTC số 724/CSMT. Mặt sau được dán kín niêm phong bởi các chữ ký, chữ viết ghi rõ họ tên của Lê Minh Tiến, Nguyễn Văn Quân và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa.

- 01 (một) thẻ căn cước công dân mang tên Bùi Văn Q.

- 01 (một) điện thoại di động OPPO, màu xanh cũ, đã qua sử dụng và số tiền 1.200.000đ *(một triệu hai trăm nghìn đồng)* thu của Lê Duy T.

- 01 (một) điện thoại di động Iphone, màu đen đã qua sử dụng thu của Bùi Văn Q.

- 01 (một) đầu thu Camera, ký hiệu jihua technology, màu đen do ông Lê Văn Luận tự nguyện giao nộp;

Cáo trạng số: 31/CT-VKS-P1, ngày 31/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Bùi Văn Q, Lê Duy T, Nguyễn Thị Hồng Uyên và Lương Thị D về tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại các điểm b,c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các điểm b,c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Các Điều 17; 38; 58 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn Q mức hình phạt từ 08 (tám) năm tù đến 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt 23/12/2021.

- Xử phạt bị cáo Lê Duy T mức hình phạt từ 08 (tám) năm tù đến 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt 23/12/2021.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng U mức hình phạt từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù đến 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt 23/12/2021.

- Xử phạt bị cáo Lương Thị D mức hình phạt từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù đến 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 5 Điều 255 Bộ luật hình sự miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo Bùi Văn Q, Lê Duy T, Nguyễn Thị Hồng U và Lương Thị D.

Tại phiên tòa các bị cáo Bùi Văn Q, Lê Duy T, Nguyễn Thị Hồng U và Lương Thị D khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố đối với các bị cáo.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Lương Thị D:

Nhất trí như tội danh VKS đã truy tố. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc hộ cận nghèo, bố mới mất. Bị cáo đã khai báo thành khẩn. Đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất; Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn tiền án phí HSST cho bị cáo.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên rất hối hận, ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Sau khi thẩm tra các chứng cứ có trong hồ sơ, nghe lời khai của các bị cáo; Lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo D; Ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai đã khai báo tại cơ quan điều tra về quá trình thực hiện hành vi phạm tội, cũng như vật chứng thu giữ trong vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 02giờ 00 phút ngày 23 tháng 12 năm 2021, tại phòng hát số 17 của quán Karaoke Hà Lan thuộc thôn Ngọc Lậu 2, xã Đông Thịnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Tổ công tác của Công an tỉnh Thanh Hóa bắt quả tang các đối tượng Bùi Văn Q, Lê Duy T, Nguyễn Thị Hồng U, Lương Thị D đang có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho 05 người, đặc biệt các bị can tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho Lò Thị M, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2007 (tính đến ngày 23/12/2021, Lò Thị M mới 14 năm 11 tháng 22 ngày tuổi, là người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi). Hành vi của các bị cáo Bùi Văn Q, Lê Duy T, Nguyễn Thị Hồng U, Lương Thị D đã đủ yếu tố cấu

thành tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại các điểm b,c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự;

Đây là vụ án: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy có tính chất rất nghiêm trọng, các bị cáo đều nhận thức được hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng do tuổi trẻ ham chơi, động cơ phạm tội của các bị cáo là nhất thời, mục đích tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy để thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội thì thấy:

Vụ án có tính chất rất nghiêm trọng, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Chúng ta đều biết ma túy là chất gây nghiện độc hại phá hủy trực tiếp hệ thần kinh trung ương của người sử dụng, làm cho họ phụ thuộc vào chất ma túy, hủy hoại sức khỏe của những người sử dụng, làm cho họ dần dần không còn khả năng lao động và sinh sống bình thường. Việc sử dụng ma túy còn làm cho người sử dụng không thể điều khiển được hành vi của mình và có thể dẫn đến các hành vi nguy hiểm cho bản thân và cho xã hội. Vì vậy Đảng và Nhà nước ta đã và đang tích cực phòng chống để đẩy lùi và loại trừ ma tuý ra khỏi đời sống xã hội. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tác hại của ma túy nhưng đã bất chấp các quy định của pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng: Đây là vụ án có đồng phạm nhưng ở mức độ giản đơn, các bị cáo không có sự phân công, phân nhiệm. Trong vụ án này Bùi Văn Q và Lê Duy T là người chủ mưu khởi xướng trực tiếp giao dịch mua ma túy (3 viên thuốc lắc và ½ chỉ ketamine) về để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên phải chịu trách nhiệm với vai trò chính. Nguyễn Thị Hồng U và Lương Thị D là người giúp sức tích cực cho Bùi Văn Q trong quá trình thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, nên cũng phải chịu trách nhiệm tương xứng với hành vi phạm tội của mình. Trong đó Uyên là người trực tiếp trộn và đưa ma túy vào cơ thể từng bị cáo. Còn D là người pha ma túy vào nước ngọt và trực tiếp đưa cho Lò Thị M sử dụng. Do đó cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện để có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét toàn diện về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ TNHS và sự phân hóa vai trò đối với từng bị cáo.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

Về nhân thân: Các bị cáo Bùi Văn Q, Lê Duy T, Nguyễn Thị Hồng U và Lương Thị D đều không có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên đối với Lê Duy T có nhân thân xấu: Đã nhiều lần bị xử phạt tù và xử lý vi phạm hành chính. Trong số các bị cáo phạm tội, bị cáo T là người có tuổi đời nhiều hơn cả, lẽ ra bị cáo phải là người hiểu hơn ai hết, nhưng bị cáo lại không sửa chữa bản thân, bất chấp các quy định của pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

* Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Bùi Văn Q đã có thời gian phục vụ trong quân đội. Bị cáo Lương Thị D bị cáo thuộc hộ gia đình cận nghèo. Bị cáo T có bố mẹ là người có công với nước. Do đó, cần cho các bị cáo Q, T và D hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Bùi Văn Q, Nguyễn Thị Hồng U và Lương Thị D có ông nội được Chủ tịch nước tặng Huân Chương kháng chiến hạng nhì, hạng ba. Tuy nhiên căn cứ quy định của pháp luật thì các bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 255 Bộ luật hình sự thì các bị cáo Bùi Văn Q, Lê Duy T, Nguyễn Thị Hồng U và Lương Thị D có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo nghề nghiệp không ổn định, thu nhập thấp. Vì vậy, HĐXX quyết định miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[7] Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 (một) phong bì niêm phong vật chứng do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, mặt trước ghi: Tổ chức sử dụng QĐTC số 724/CSMT. Mặt sau được dán kín niêm phong bởi các chữ ký, chữ viết ghi rõ họ tên của Lê Minh Tiến, Nguyễn Văn Quân và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa. Xét đây là công cụ phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 một thẻ căn cước công dân mang tên Bùi Văn Q cần tiếp tục tạm giữ cho đến khi bị cáo chấp hành xong án phạt tù.

Đối với 01 (một) điện thoại di động OPPO, màu xanh cũ, đã qua sử dụng và số tiền 1.200.000đ *(một triệu hai trăm nghìn đồng)* thu của Lê Duy T hiện đang lưu giữ tại biên lai thu tiền số AA/2021/0003059 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Sơn. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không xác định được T dùng điện thoại và số tiền trên để giao dịch mua bán ma túy. Do đó cần trả lại cho bị cáo Lê Duy T.

Đối với 01 (một) điện thoại di động Iphone, màu đen đã qua sử dụng thu của Bùi Văn Q. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định được Q dùng điện thoại trên để giao dịch mua bán ma túy. Xét đây là công cụ phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) đầu thu Camera, ký hiệu jihua technology, màu đen do ông Lê Văn L tự nguyện giao nộp; Xét đây là tài sản hợp pháp của ông Lê Văn L chủ sở hữu hợp pháp của quán Karaoke Hà Lan, ông Luận không biết các bị cáo Q, T, U, D tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy trong phòng hát. Ông Luận có đơn xin được nhận lại tài sản nên cần trả lại cho ông Lê Văn Luận.

[8] Liên quan trong vụ án:

Đối với Nguyễn Văn Tùng và Nguyễn Văn Tuấn đã giao dịch bán ma túy cho Q và T. Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT không có đủ tài liệu, căn cứ để xử lý trong vụ án này nên sẽ tách tài liệu đối với Tùng và Tuấn để tiếp tục xác minh làm rõ khi có đủ căn cứ sẽ xử lý trong một vụ án khác.

Đối với Lò Thị M: Là nhân viên của quán Karaoke Hà Lan, được chủ quán là ông Lê Văn L gọi lên phòng 17 phục vụ rót bia và hát cho khách nghe. Tuy nhiên trong quá trình phục vụ khách Lò Thị M được Lương Thị D mời sử dụng ma túy bằng cách uống 1/2 cốc nước ngọt Sting được pha lẫn ma túy. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án và kết quả test nước tiểu *"Dương tính với ma túy"*, có đủ căn cứ xác định Lò Thị M đã thực hiện hành vi *"Sử dụng trái phép chất ma túy".* Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thanh Hóa, đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Lò Thị M, bằng hình thức phạt *"Cảnh cáo"* và thông báo cho chính quyền địa phương biết để quản lý, giáo dục.

Đối với Lê Văn L là chủ quán Karaoke Hà Lan. Do thiếu trách nhiệm trong công tác quản lý, để cho các đối Bùi Văn Q, Lê Duy T, Nguyễn Thị Hồng U, Lương Thị D, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại cơ sở kinh doanh do Luận làm chủ, trực tiếp quản lý mà không biết. Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thanh Hóa đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Lê Văn L, mức phạt 7.500.000đ *(bảy triệu năm trăm nghìn)* và thông báo cho chính quyền địa phương biết để quản lý, giáo dục.

Đối với Doãn Trọng T, Lê Hữu L do uống nhiều rượu nên đã say và ngủ không biết việc Bùi Văn Q, Lê Duy T bàn bạc đi mua ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cùng với Nguyễn Thị Hồng U và Lương Thị D tại Phòng số 17; đối với Lò Thị H chỉ phục vụ rót bia và hát phục vụ khách. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra và kết quả test nước tiểu

"Âm tính với ma túy", xác định Doãn Trọng T, Lê Văn L, Lò Thị H không thực hiện hành vi *"Tổ chức sử dụng và sử dụng trái phép chất ma túy"*. Do đó Cơ quan điều tra không xử lý hình sự, không ra quyết định xử phạt hành chính đối với Doãn Trọng T, Lê Hữu L và Lò Thị H.

[9] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo Bùi Văn Q, Lê Duy T, Nguyễn Thị Hồng U phải chịu án phí HSST, Lương Thị D được miễn tiền án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1.Căn cứ vào: Các điểm b,c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51 (đối với Bùi Văn Q, Lê Duy T, Nguyễn Thị Hồng U và Lương Thị D), khoản 2 Điều 51(đối với Bùi Văn Q, Lê Duy T và Lương Thị D), Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự; Các điểm a, b khoản 1 Điều 46, điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; các Điều 331; 333; 336; 337 BLTTHS; Điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

2. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn Q, Lê Duy T, Nguyễn Thị Hồng Uyên và Lương Thị D phạm tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

3. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo **Bùi Văn Q** 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt giam ngày 23/12/2021.

- Xử phạt bị cáo **Lê Duy T** 08 (tám) năm tù . Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt giam ngày 23/12/2021).

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Hồng U** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt giam ngày 23/12/2021.

- Xử phạt bị cáo **Lương Thị D** 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù, được trừ 01 (một) tháng 07 (bảy) ngày đã tạm giam, còn lại 07 (bảy) năm 01 (một) tháng 23 (hai mươi ba) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 30/6/2022.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì niêm phong vật chứng do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, mặt trước ghi: Tổ chức sử dụng QĐTC số 724/CSMT. Mặt sau được dán kín niêm phong bởi các chữ ký, chữ viết ghi rõ họ tên của Lê Minh Tiến, Nguyễn Văn Quân và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa.

- Tiếp tục tạm giữ 01 một thẻ căn cước công dân mang tên Bùi Văn Q cho đến khi bị cáo chấp hành xong án phạt tù.

Trả lại 01 (một) điện thoại di động OPPO, màu xanh cũ, đã qua sử dụng và số tiền 1.200.000đ *(một triệu hai trăm nghìn đồng)* cho Lê Duy T.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) điện thoại di động Iphone, màu đen đã qua sử dụng thu của Bùi Văn Q.

Trả lại cho ông Lê Văn Luận 01 (một) đầu thu Camera, ký hiệu jihua technology, màu đen do ông Lê Văn Luận tự nguyện giao nộp;

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng và phiếu nhập kho s NK2022/16 ngày 06/6/2022*, giữa Cơ quan CSĐT (PC04) Công an tỉnh Thanh Hóa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Sơn*

4. Về án phí:

Buộc các bị cáo Bùi Văn Q, Lê Duy T, Nguyễn Thị Hồng U mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí HSST. Bị cáo Lương Thị D không phải nộp tiền án phí HSST.

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSNDhuyện Đông Sơn;
- Công an huyện Đông Sơn;
- Bị cáo,
- Người liên quan
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lê Thị Tố Như